TIME REVIEW

1. Cách nói giờ chẵn trong tiếng Anh

Cấu trúc: số giờ **+ o'clock**

Eg: 8:00 => eight o'clock (Tám giờ đúng)

2. Cách nói giờ hơn trong tiếng Anh (số phút hơn)

Cấu trúc: số phút + **past** + số giờ

Eg: 6:10 => ten past six. (Sáu giờ mười phút)

3. Cách nói giờ kém trong tiếng Anh (số phút >30)

Cấu trúc: số phút + **to** + số giờ

Eg: 1:50 => ten to two/fifty past one. (Một giờ 50 phút hoặc hai giờ kém mười phút)

4. Cách diễn đạt cho cả giờ hơn và giờ kém

Cấu trúc: số giờ + số phút

Eg: 2:48 => two forty-eight (Hai giờ bốn mươi tám phút)

5. Các trường hợp đặc biệt khi nói giờ trong tiếng Anh

5.1. Khoảng thời gian hơn/kém 15 phút

*15' = **a quarter.**

Cấu trúc: **(a) quarter** past/to + số giờ

Eg: 8:15 - **a quarter past eight**. (Tám giờ mười lăm phút.)

6:45 - **a quarter to seven** every morning (Bảy giờ kém mười lăm phút.)

5.2. Khoảng thời gian hơn 30 phút

Cấu trúc: half past + số giờ

Eg: 6:30 - **half past** + số giờ

LIVEWORKSHEETS

What time is shown on each clock below?

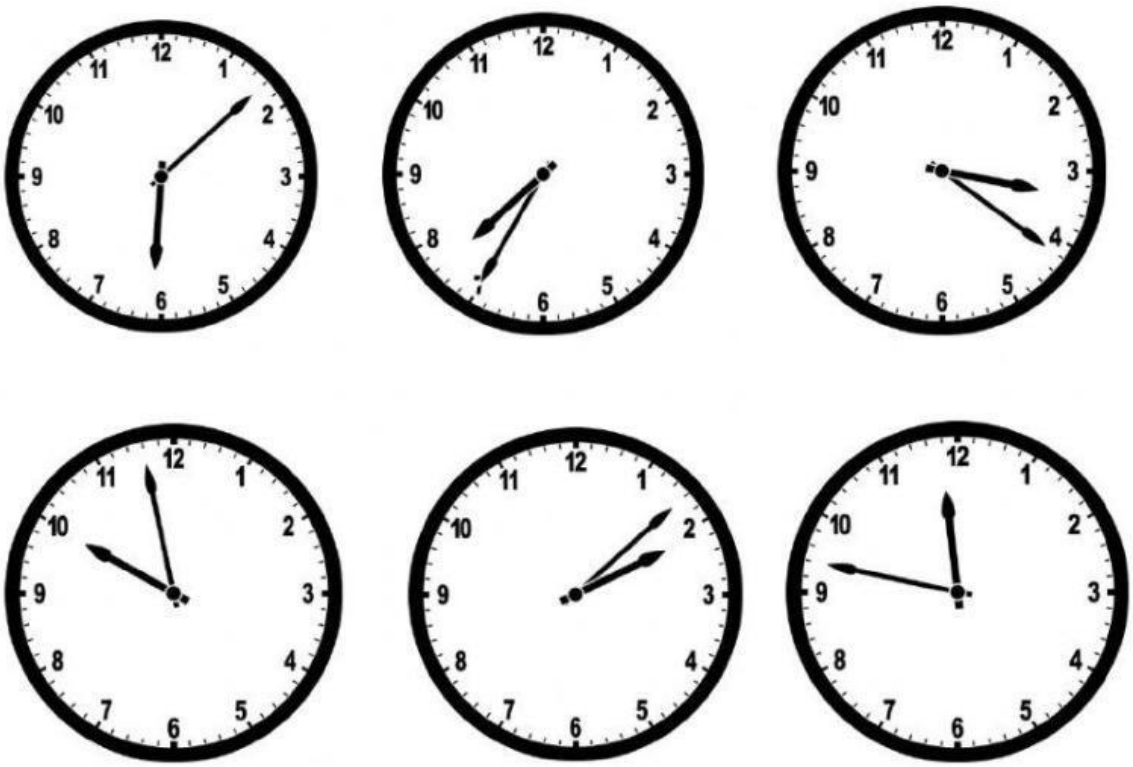

What time would each clock show after 3 $\frac{1}{2}$ hours?

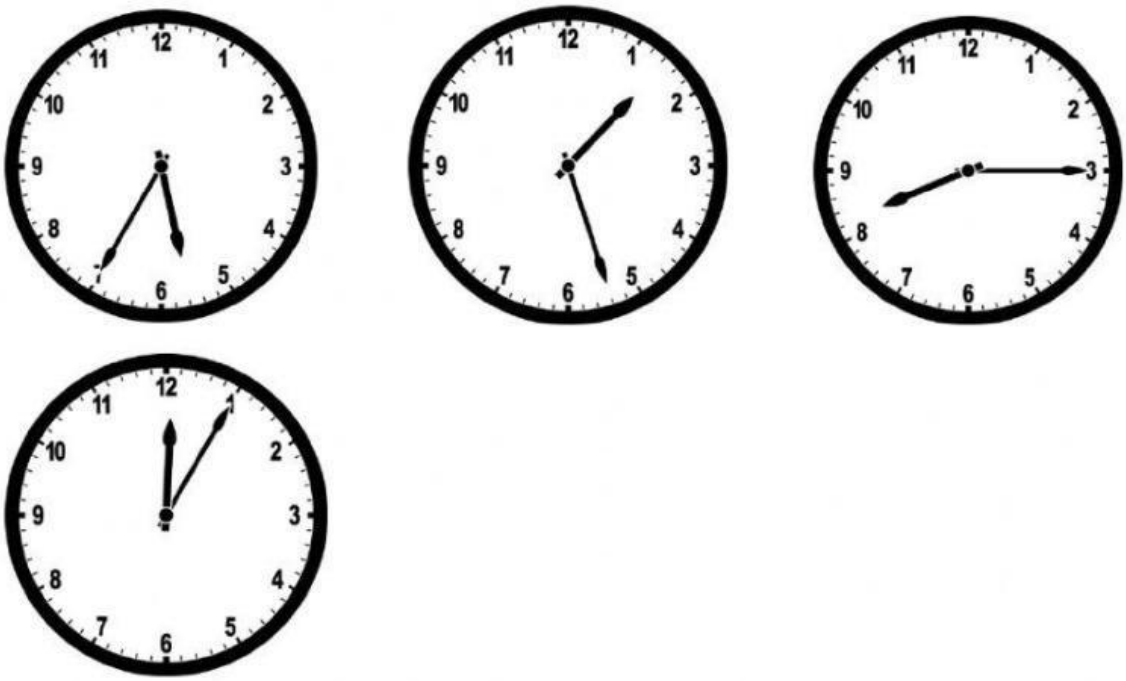

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS